

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28/3/2023
V/v Xin “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Lành.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Huỳnh Hải Đăng;

2. Bà Võ Thị Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Kim Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Du – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 314/2022/TLST-HNGĐ ngày 25/11/2022 về việc xin “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2023/QĐST-DS ngày 09/03/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **B.T.P.T**, sinh năm 1984. Địa chỉ: Số 24/2, ấp T.L, xã T.T, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông **N.V.T**, sinh năm 1972. Địa chỉ: Số 24/2, ấp T.L, xã T.T, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/10/2022, bản tự khai đề ngày 27/12/2022, biên bản lấy lời khai ngày 11/01/2023, quá trình thu thập chứng cứ, nguyên đơn bà B.T.P.T trình bày:** Bà T và ông T chung sống như vợ chồng vào năm 2013, trên cơ sở tự nguyện, không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống từ đó cho đến nay. Trong thời gian mâu thuẫn thỉnh thoảng ông T có hành vi đánh đập, đe dọa cắt cổ bà T. Bà T và ông T hiện vẫn chung sống tại địa chỉ số 24/2, ấp T.L, xã T.T, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh từ đó cho đến nay, tuy nhiên tình cảm vợ chồng không còn. Nay bà T yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Ông bà sống chung có 01 con chung là Bùi Phú Trọng, sinh năm 2014. Sau khi ly hôn bà T có yêu cầu tiếp tục trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** *Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/01/2023, quá trình thu thập chứng cứ, bị đơn ông N.V.T trình bày:*** Ông T thống nhất lời trình bày của bà T về việc ông và bà T chung sống vợ chồng từ năm 2012, nhưng không có đăng ký kết hôn. Về mâu thuẫn giữa vợ chồng, ông T cho biết ông và bà T chung sống bình thường, không có mâu thuẫn, nhưng do ông gặp thất bại trong làm ăn dẫn đến việc bà T bất mãn nên đòi ly hôn. Nay bà T yêu cầu đòi ly hôn ông, ông nhận thấy cuộc sống chung không hạnh phúc nên bà đồng ý ly hôn với bà T.

Về con chung: Có 01 con chung đúng như bà T trình bày, con chung hiện đang sống chung bà T, nay ông đồng ý giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** *Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành phát biểu ý kiến:***

1/Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thư ký đã thực hiện đúng quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2/Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại Tòa người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn bà B.T.P.T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và ông N.V.T vắng mặt không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà T, ông T là có căn cứ theo quy định tại các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

3/Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa bà T và ông T; giao con chung chưa thành niên cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con; tài sản, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tính án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn bà B.T.P.T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và ông N.V.T vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà T và ông T là có căn cứ theo quy định tại các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ tranh chấp*: Bà B.T.P.T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chỉ ly hôn với ông T. Ông T hiện cư trú tại số 24/2, ấp T.L, xã T.T, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Do vậy, xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Xét yêu cầu của bà T thấy rằng*: Bà B.T.P.T và ông N.V.T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2012, không có đăng ký kết hôn, đến nay cũng chưa đăng ký kết hôn. Theo Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định nam nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do bà T và ông T chung sống không đăng ký kết hôn nên căn cứ vào Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà T và ông T là phù hợp.

[4] *Về con chung*: Bà T và ông T có 01 con chung là Bùi Phú Trọng sinh năm 2014. Bà T, ông T và cháu Trọng đều đồng ý để bà T được quyền trực tiếp nuôi con chung. Nên cần giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi con, ghi nhận bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Ông T được quyền thăm nom con theo quy định.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung* : Bà T và ông T không yêu cầu giải quyết.

[6] *Về án phí*: Bà T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 14, Điều 53, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa bà B.T.P.T và ông N.V.T.

Về con chung: Giao con chung là Bùi Phú Trọng, sinh năm 2014 cho bà B.T.P.T tiếp tục trực tiếp nuôi con; ghi nhận bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Ông T được thăm nom con chung không ai có quyền ngăn cản.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà B.T.P.T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số **0021141** ngày 25 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận bà T đã nộp xong.

Các đương sự trong vụ án được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Hòa Thành;
- Chi cục THADS thị xã Hòa Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Kim Lành